TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17/02/2023
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Lan Hương.
2. Ông Nguyễn Thanh Vân.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa***:*** Bà Phạm Linh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 598/2022/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2022 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 01 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà Võ Thị Út E, sinh năm: 1975, địa chỉ: Ấp V, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

* *Bị đơn*: Ông Trần Văn Ngh, sinh năm: 1966, địa chỉ: Ấp V, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Bà E, ông Ngh có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/12/2022, bản tự khai ngày 15/12/2022, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 13/01/2023 nguyên đơn bà Võ Thị Út E trình bày:

Bà và ông Ngh kết hôn năm 1996 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống sau đó không hạnh phúc, bà và ông Ngh phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm, ông Ngh không lo làm ăn, không lo cho vợ con, vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay bà xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông Ngh, do đó bà yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau đây:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà yêu cầu ly hôn ông Trần Văn Ngh. Bà không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- *Về con chung:* Có 02 con chung là **Trần Văn Minh Ch,** sinh ngày 17/12/1994 và **Trần Văn Minh Ng,** sinh ngày 05/12/1996 đều đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có.

Theo nội dung biên bản lấy lời khai ngày 10/01/2023, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 10/01/2023, bị đơn ông Trần Văn Ngh trình bày:

Ông và Bà E kết hôn vào năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B. Quá trình chung sống giữa ông và Bà E không có mâu thuẫn lớn, chỉ là cự cãi trong sinh hoạt, ông thấy con cái đã lớn nên việc ly hôn là không cần thiết.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông không đồng ý ly hôn bà Võ Thị Út E. Ông không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- *Về con chung:* Có 02 con chung là **Trần Văn Minh Ch,** sinh ngày 17/12/1994 và **Trần Văn Minh Ng,** sinh ngày 05/12/1996 đều đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre phát biểu:

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về nội dung vụ án:* Căn cứ vào nội dung trình bày của nguyên đơn theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện hôn nhân giữa Bà E và ông Ngh đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung giữa vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của Bà E. Về hôn nhân, Bà E được ly hôn với ông Ngh. Bà E, ông Ngh không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xét đến. Về tài sản chung: Bà E, ông Ngh tự thỏa thuận nên không xét đến.Về con chung: Có 02 con chung là **Trần Văn Minh Ch,** sinh ngày 17/12/1994 và **Trần Văn Minh Ng,** sinh ngày 05/12/1996 đều đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét đến. Về nợ chung: Bà E, ông Ngh khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa cbà Võ Thị Út E và ông Trần Văn Ngh là tranh chấp về ly hôn, bị đơn ông Trần Văn Ngh có địa chỉ nơi cư trú tại Ấp V, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Võ Thị Út E và ông Trần Văn Ngh có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, vì vậy căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Võ Thị Út E và ông Trần Văn Ngh là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Bà E, ông Ngh tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre ngày 09/10/1996, nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp.

Bà E xác định quá trình chung sống đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vã, tình trạng này diễn ra thường xuyên, Bà E không còn tình cảm với ông Ngh nên xin ly hôn. Bà E yêu cầu ly hôn, ông Ngh không đồng ý vì ông cho rằng mâu thuẫn nhỏ, con đã lớn nên không cần thiết ly hôn. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, ông Ngh yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án không hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng cho Bà E và ông Ngh, do đó có căn cứ cho rằng ông Ngh không có mong muốn hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Bà E cương quyết ly hôn. Hiện Bà E và ông Ngh đã sống ly thân nhau.

Hội đồng xét xử nhận thấy vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chia sẻ cùng nhau trong cuộc sống, nhưng nay Bà E và ông Ngh đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, Bà E xác định đời sống hôn nhân hiện tại không còn hạnh phúc, không còn tình cảm vợ chồng với ông Nghỉ. Từ đó có cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa Bà E và ông Ngh đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà E. Ghi nhận việc Bà E, ông Ngh không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

[3] Về con chung: Bà E và ông Ngh có 02 con chung là **Trần Văn Minh Ch,** sinh ngày 17/12/1994 và **Trần Văn Minh Ng,** sinh ngày 05/12/1996 đều đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

[4] Về tài sản chung: Bà E, ông Ngh tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

[5] Về nợ chung: Bà E, ông Ngh khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà E phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Võ Thị Út E được ly hôn với ông Trần Văn Ngh. Ghi nhận việc Bà E, ông Ngh không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2. Về con chung: Bà E và ông Nghcó 02 con chung là **Trần Văn Minh Ch,** sinh ngày 17/12/1994 và **Trần Văn Minh Ng,** sinh ngày 05/12/1996 đều đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên không xét đến

3. Về tài sản chung: Bà E, ông Ngh tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Bà E, ông Ngh khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

5. Về án phí: Bà Võ Thị Út E phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà Bà E đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010 722 ngày 19/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Bà E đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, Bà E,ông Ngh vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- UBND xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Thanh Lan